

Bản số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1: Ông Nguyễn Kim Quyết

2: Ông Vũ Văn Mác

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967

ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh T.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1942

ĐKKHKT: Xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh T.

Chỗ ở: Xóm Y, xã Q, huyện Đ, tỉnh T.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không

(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các văn bản tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày như sau:

Bà kết hôn với ông Hoàng Văn T năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, ông Hoàng Văn T về chung sống cùng với bà tại xóm L, xã Q. Quá trình chung sống bà và ông Hoàng Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, bà phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tình cảm, thiếu thốn, khó khăn về kinh tế. Ngoài ra, tính cách của ông T lại không giống ai, hay nghe tin đồn linh tinh ngoài xã hội rồi về nhà chửi mắng bà, có lần bà được phụ nữ trong xóm giới thiệu cho công việc hái chè thuê ở xã bên, ông T ở nhà không biết bà đi đâu đã viết đơn kiện xuống xã vụ không Hội trưởng Hội phụ nữ xóm L đã lừa bán bà sang Trung Quốc. Từ năm 2015 ông T đã về sống với con trai ở xóm Y, xã Q, vợ chồng đã ly thân được gần 03 năm nay. Tuy nhiên, sau khi đã ly thân ông T thi thoảng vẫn xuống nhà bà quấy phá, tự ý cắt điện của nhà bà, làm hỏng đường nước sinh hoạt, vứt quần áo, nôi niêu bát đĩa của bà, dọa dùng kim tiêm có nhiễm HIV chích bà cho bà bị bệnh rồi chết...

Bà xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được để tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay bà rất lo sợ về tính mạng, sức khỏe của mình, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn T theo quy định, tuy nhiên ông Hoàng Văn T không tới Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 17/5/2018 và các văn bản tổng đạt trực tiếp của Tòa án, ông Hoàng Văn T có quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà X năm 2009, có đăng ký kết hôn. Hiện tại ông đã tuổi già, sức khỏe yếu, bà X làm đơn xin ly hôn, ông vui vẻ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Ông với bà X làm ăn vui vẻ và đã cùng nhau phát triển tài sản chung bao gồm: Một gian nhà cấp 4 rộng 3m dài 7m, một giếng khoan, một gian nhà bếp, hai gian nhà sao chè, hai gian chuồng lợn, một xe đạp, một đôi

chè gần 3000m², một tường bao dài gần 10m cao 1m8, một đường dây điện dài 200m. Ông đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung, xử theo luật định cho công bằng. Sau khi phân chia xong ông đồng ý cho bà X mua lại bằng tiền. Tuy nhiên, ông không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng, bà X là người làm đơn xin ly hôn nên bà X phải làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

[3] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành do vậy bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 174, 177, 220, 227, 228; Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X, cho bà Nguyễn Thị X ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300,000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X với bị đơn ông Hoàng Văn T, cùng trú tại: Xã Q, huyện Đ, T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn T theo quy định

tại Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 196 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Hoàng Văn T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, bị đơn ông Hoàng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Hoàng Văn T kết hôn với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã, xô xát, nhiều lần chính quyền địa phương phải đến can thiệp. Nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tình cảm, thiếu thốn, khó khăn về kinh tế. Ngoài ra, theo bà X trình bày, tính khi ông T nhiều lúc không giống ai, hay nghe tin đồn linh tinh ngoài xã hội về rồi chửi mắng bà, bà đi làm thì tưởng bà bị bán đi Trung Quốc dẫn đến khiếu kiện lung tung. Hiện tại vợ chồng ông bà đã sống ly thân.

Hiện tại, bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích kết hôn không đạt được nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông T. Ông T xác định hiện ông tuổi già, sức khỏe yếu bà X yêu cầu ly hôn ông vui vẻ đồng ý. Qua đó, Hội đồng xét xử xác định cuộc hôn nhân giữa bà X và ông T hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà X, cho bà X được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà X không có yêu cầu. Quá tình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn T có nêu trong quá trình chung sống ông và bà X có tài sản chung, ông đề nghị Tòa án phân chia, xử theo luật định cho công bằng. Tuy nhiên ông T không làm đơn yêu chia tài sản chung vợ chồng nộp cho Tòa án theo yêu cầu tại Thông báo số 01/TB - TA ngày 22/5/2018 về việc hướng dẫn thủ tục yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, cũng như không nộp bất cứ tài liệu, giấy tờ nào liên quan đến tài sản chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết. Bà X, ông T được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị X, cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015993 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn (bà X), bị đơn (ông T). Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Q, huyện Đ; tỉnh T
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy